

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
anh M và chị P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn M, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 2, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 2, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Anh M, chị P vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 8 năm 2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - anh Trịnh Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn M và chị Phạm Thị P đăng ký kết hôn ngày 23-01-2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn anh M và chị P

chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại xóm 2, xã C được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên hai người thường xuyên xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Đến năm 2018, khi chị P sinh con thứ hai mâu thuẫn càng trở lên trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị P đã tự ý bỏ đi làm ăn nên hai người đã sống ly thân từ ngày 10-10-2019 cho đến nay. Nay anh M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Phương Ánh, sinh ngày 19-8-2015 và cháu Trịnh Tuấn Anh, sinh ngày 31-8-2018, hiện cả hai con chung đang do anh M nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh M có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn Anh, còn cháu Ánh để chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh M về thời gian vợ chồng kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và thời gian hai người sống ly thân như anh M trình bày là đúng. Nay anh M làm đơn xin ly hôn, chị P nhận thấy vợ chồng không thể chung sống được nữa nên chị P nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị P có lời khai thống nhất với anh M về con chung và nhất trí với quan điểm để anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn Anh; chị P xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P xác nhận hai người không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trịnh Văn M và bị đơn chị Phạm Thị P đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử

vắng mặt anh M, chị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Trịnh Văn M và chị Phạm Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 23-01-2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi chửi nhau, chị P đã bỏ đi làm ăn, hai người sống ly thân từ ngày 10-10-2019. Nay anh M xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị P.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh M đối với chị P, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh M và chị P là trầm trọng, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng anh M, chị P không có biện pháp nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, chị P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh M. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M, cho anh Trịnh Văn M được ly hôn chị Phạm Thị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh M và chị P có 02 con chung là cháu Trịnh Phương Ánh, sinh ngày 19-8-2015 và cháu Trịnh Tuấn Anh, sinh ngày 31-8-2018, hiện hai con đang sống cùng anh M. Khi ly hôn, anh M có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn Anh, để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị P đồng ý.

Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay và yêu cầu của các bên thì thấy: Nguyện vọng được nuôi dưỡng con của các bên là hoàn toàn chính đáng, anh M và chị P là người khỏe mạnh và có khả năng lao động nên giao cháu Trịnh Tuấn Anh cho anh Trịnh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trịnh Phương Ánh cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh M và chị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trịnh Văn M là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trịnh Văn M và chị Phạm Thị P.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Phương Ánh, sinh ngày 19-8-2015 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Tuấn Anh, sinh ngày 31-8-2018 cho anh Trịnh Văn M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau; có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

Anh M có trách nhiệm giao cháu Ánh cho chị P nuôi dưỡng theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Văn M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số AA/2017/0002731 ngày 24-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Trịnh Văn Mh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản ;
- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã C: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái